CỔ PHẦN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG THUỘC SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC) TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG (HND). ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO HND MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ. SCIC KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO THÔNG TIN CỦA HND ĐÃ CÔNG BỐ, QUY CHẾ CHÀO BÁN CẠNH TRANH, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHUYỂN NHƯỢNG.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Trụ sở chính : Tầng 23, tòa nhà Charmit, số 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 3824 0703 Fax: 024 6728 0136

Website : http://www.scic.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG (HND)

Địa chỉ : Thôn Đoan, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0225 3775 161 Fax: 0225 3775 162

Website : www.ndhp.com.vn

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

Địa chỉ : Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 3941 2626 Fax: 024 3934 7818

Website : www.hnx.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK (AGRISECO)

Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, P. Giảng Võ, Q.Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 6276 2666 Fax: 024 6276 566

Website : www.agriseco.com.vn

Năm 2020

MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ VI

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT VII

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 1

1. Rủi ro về kinh tế 1
2. Rủi ro về luật pháp 3
3. Rủi ro đặc thù ngành 4
4. Rủi ro của đợt chuyển nhượng vốn 4
5. Rủi ro khác 4

I. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 6

1. Tổ chức là chủ sở hữu cổ phiếu chào bán 6
2. Tổ chức phát hành 6
3. Tổ chức tư vấn 6

II. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 7

1. Thông tin về tổ chức là chủ sở hữu cổ phiếu chào bán 7
2. Mối quan hệ với tổ chức phát hành 8
3. Số cổ phần sở hữu hiện tại 8
4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu 8

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 8

1. Thông tin chung về Công ty 8
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty 10
3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty 12
4. Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty 16
5. Danh sách công ty mẹ và các công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành 17
6. Hoạt động kinh doanh 18
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất 19
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành 23
9. Tình hình hoạt động tài chính 24
10. Tài sản 32
11. Danh mục đất đai của HND 34

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 37

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty có cổ phiếu được chào bán 39

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu chuyển nhượng 39

IV. THÔNG TIN VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN 40

V. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN 42

VI. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHIẾU 42

1. Tổ chức là chủ sở hữu cổ phiếu được chào bán 42

2. Tổ chức phát hành 42

3. Tổ chức thẩm định giá 42

4. Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính 43

5. Tổ chức tư vấn chuyển nhượng vốn 43

6. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh 43

VII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CHÀO BÁN VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 43

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 : Danh sách Hội đồng quản trị 13
Bảng 2: Danh sách Ban Kiểm soát 14
Bảng 3: Danh sách Ban Tổng Giám đốc 15
Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của HND ngày 09/4/2020 16
Bảng 5: Cơ cấu cổ đông của HND ngày 09/4/2020 17
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần 18
Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty 19
Bảng 8: Trích lập các quỹ của Công ty 25
Bảng 9: Tổng dư nợ cho vay 25
Bảng 10: Các khoản phải thu 26
Bảng 11: Các khoản phải thu của các bên liên quan 26
Bảng 12: Các khoản phải trả 26
Bảng 13: Đầu tư tài chính 28
Bảng 14: Cơ cấu chi phí 28
Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 29
Bảng 16: Cơ cấu lao động tại Công ty 31
Bảng 17: Tình hình tài sản cố định của Công ty ngày 31/12/2018 33
Bảng 18: Tình hình tài sản cố định của Công ty ngày 31/12/2019 33
Bảng 19: Danh mục đất đai của HND 34
Bảng 20: Lợi nhuận và cổ tức năm 2019, kế hoạch năm 2020 37

DANH MỤC HÌNH, BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%) 1
Biểu đồ 2: Lạm phát ở Việt Nam qua các năm(%) 2
Hình 1. Cơ cấu tổ chức theo cấp quản lý 12
Hình 2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty 12

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Tên cổ phần chuyển nhượng:	Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Loại cổ phần chuyển nhượng:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Tổng số lượng cổ phần dự kiến chuyển nhượng:	45.000.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 9,00% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ)
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm chào bán cạnh tranh:	26.000 Đồng/cổ phần
Giá đặt mua hợp lệ:	Được quy định cụ thể tại Quy chế chào bán cạnh tranh
Cơ sở xác định giá khởi điểm:	Căn cứ Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo tư vấn giá khởi điểm của Công ty cổ phần thẩm định giá IVC và Quyết định số ...197.../ĐTKTV-QĐ ngày ...19.../5/2020 của Tổng giám đốc SCIC.
Phương thức chuyển nhượng vốn:	Chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần.
Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
Thời gian dự kiến thực hiện chuyển nhượng vốn:	Quý II/2020
Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến:	Được quy định cụ thể tại Quy chế chào bán cạnh tranh
Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:	- Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Điều lệ của Công ty không giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. - Theo Danh sách chốt số lượng cổ đông tham gia ĐHCĐ bất thường tổ chức vào ngày 09/04/2020, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại HND là 0,003%. - Theo thông tin về số lượng cổ phần HND nhà đầu tư nước ngoài còn được mua công bố trên HNX vào ngày 15/5/2020, nhà đầu tư nước ngoài còn được mua 244.820.000 cổ phần (tương ứng với 48,964% Vốn điều lệ tại Công ty). - Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị định 60/2015/NĐ-CP: *"Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư*

kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%".

- Tại Công văn số 1883/NĐHP-HCLĐ ngày 03/4/2020 của Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Phụ lục số 16 Thông tư 123/2015/TT-BTC, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49% Vốn điều lệ.

Địa điểm công bố thông tin:

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước(SCIC)

Địa chỉ: Tầng 23, toà nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3824 0703 Fax: 024 6278 0136

Website: http://www.scic.vn

Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND)

Địa chỉ: Thôn Đoan, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3775 161

Website: http://www.ndhp.com.vn

Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank (AGRISECO)

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 6276 2666

Website: https://agriseco.com.vn

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3941 2626

Website: https://www.hnx.vn

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước;
- Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16/07/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng bộ Tài chính về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp;
- Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 10/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, phân loại doanh nghiệp của SCIC đến năm 2020;
- Nghị quyết số 319/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày 27/12/2019 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nướcvề việc phê duyệt phương án bán vốn của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nướctại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Quyết định số .197./ĐTKTV-QĐ ngày .19../5/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về phương án bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng số 17A/2019/SCIC-AGRISECO ngày 28/06/2019 và Phụ lục Hợp đồng số ..... ngày 18./.5./2020 ký giữa Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank.

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- BCTC : Báo cáo tài chính
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Cổ đông : Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Vốn điều lệ : Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi nhận vào điều lệ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- DTT : Doanh thu thuần
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- TSCĐ : Tài sản cố định
- XDCB : Xây dựng cơ bản
- QSDĐ : Quyền sử dụng đất
- GCN ĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Đvt : Đơn vị tính
- VND : Việt Nam Đồng
- CTCP : Công ty cổ phần
- Tổ chức phát hành/Công ty/HND : Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Tổ chức thực hiện thoái vốn/SCIC : Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Tổ chức tư vấn/AGRISECO : Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

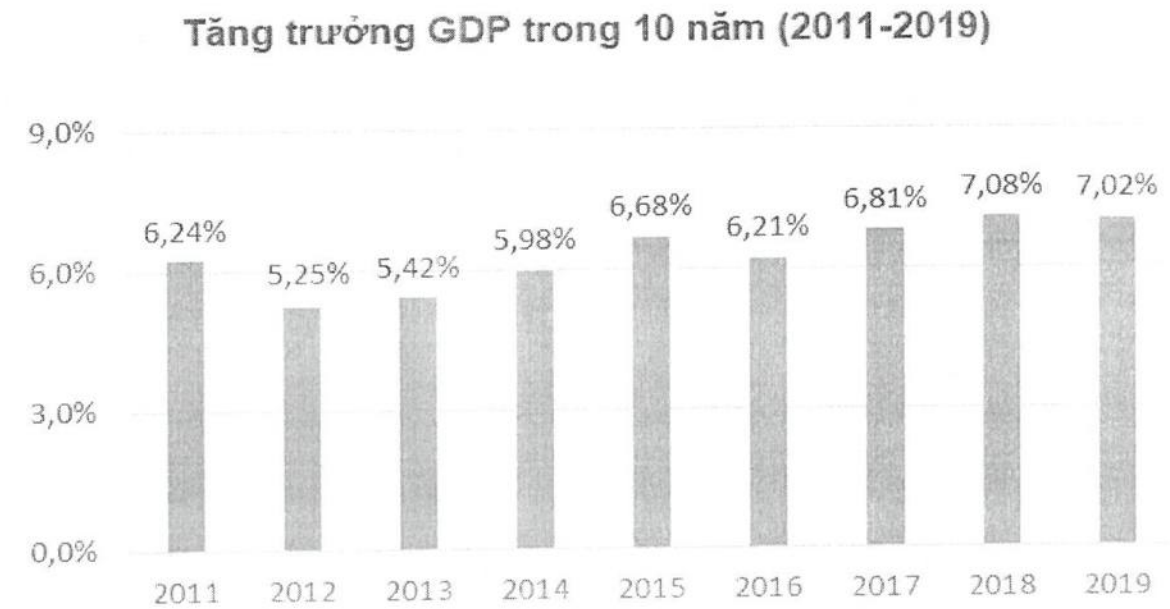
1.1 Tốc độ tăng trưởng (GDP)

Năm 2019 tăng trưởng kinh tế đạt 7,02%, theo số liệu mới công bố của Tổng cục Thống kê. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02% vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6%-6,8%.

Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng nhờ duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Theo báo cáo, trong mức tăng chung 7,02% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung. Trong khi đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%. Về cơ cấu kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%. Đáng chú ý, năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2019 ước tính đạt 110,4 triệu đồng/lao động (tương đương 4.791 USD/lao động, tăng 272 USD so với năm 2018). Theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,2% do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2019 tăng cao.

Sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường, kết quả tăng trưởng 7,02% khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

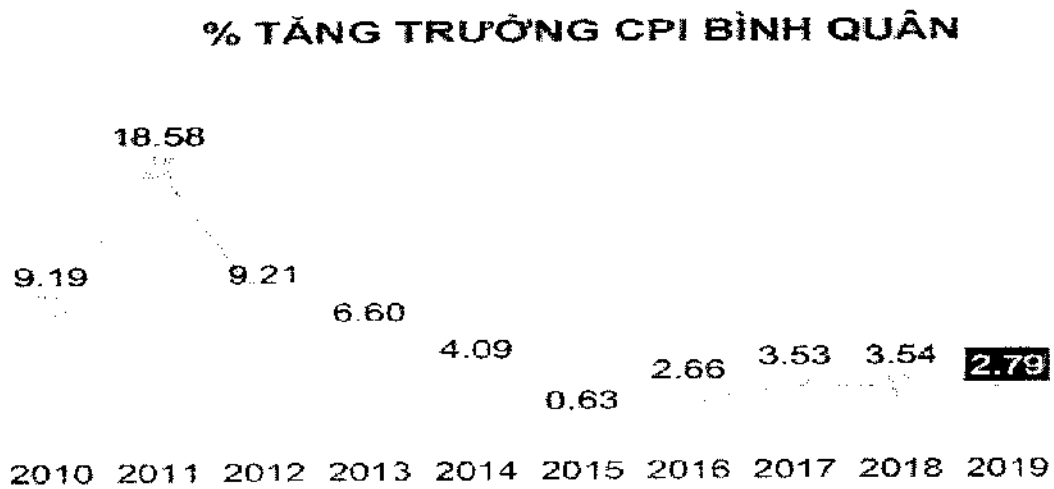
Năm 2020, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 6,8%, tập trung tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tốc độ tăng trưởng GDP duy trì ở mức cao giúp thúc đẩy các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và gia tăng thu nhập và cải thiện tâm lý của người tiêu dùng. Nhu cầu sử dụng điện sẽ gia tăng là điều kiện then chốt giúp những doanh nghiệp trong ngành phát triển hơn trong tương lai.

1.2 Lạm phát

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, CPI bình quân cả năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018, Chính phủ đã hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% trong năm 2019.

Sau giai đoạn 2008 - 2011 tình trạng lạm phát tăng nhanh ở Việt Nam, Chính phủ cũng như Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng thành công nhiều biện pháp thắt chặt chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa, tái cơ cấu thị trường tài chính, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2016 chỉ số CPI bình quân năm đạt 2,66%. Mức tăng CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016. CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% thấp nhất trong 15 năm trở lại đây. CPI bình quân năm 2019 so với năm 2018 tăng 2,79%, là mức tăng thấp nhất trong 3 năm trở lại đây, từ đó tiếp tục tạo thêm dư địa cho công tác điều hành giá kiểm soát lạm phát cả năm 2020 theo mục tiêu Quốc hội và Chính phủ đề ra, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để xem xét điều chỉnh giá một số dịch vụ công theo lộ trình thị trường.

Biểu đồ 2: Lạm phát ở Việt Nam qua các năm(%)



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê

Mục tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2020 mà Quốc hội đã thông qua ở mức khoảng 4%. Dù mục tiêu kiểm soát lạm phát thực hiện trong năm 2019 đã thành công, song việc kiểm soát lạm phát năm 2020 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện như HND, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của

HND thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, nhân công, lãi vay, v.v...

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của HND, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.3 Lãi suất

Năm 2019, tỷ giá, lãi suất đã trải qua nhiều biến động, phần lớn do các tác động tiêu cực từ thị trường quốc tế. Tuy nhiên, sự ổn định kinh tế vĩ mô trong nước cùng với công tác điều hành tỷ giá thận trọng, linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phần nào "hóa giải" bớt áp lực và mang lại thành công ổn định cho thị trường ngoại hối, tỷ giá và lãi suất ở mức hợp lý.

Trong 9 tháng đầu năm, lãi suất huy động liên tục được các ngân hàng đẩy lên cao; đặc biệt là tại các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân nhỏ trước áp lực cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đáp ứng các qui định về hệ số an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II và lộ trình giảm tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của NHNN. Theo đó, tính đến cuối tháng 9, lãi suất huy động tiền gửi tại một số ngân hàng đã tăng lên mức 9%/năm; trong khi lãi suất chứng chỉ tiền gửi cũng nhanh chóng vượt qua 10%/năm. Đà tăng của lãi suất huy động chỉ bắt đầu hạ nhiệt từ giữa tháng 10, sau khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phát đi thông báo cắt giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm % và Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng 9. Trong những tháng tiếp theo, mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục xu hướng đi xuống nhất là sau động thái giảm trần lãi suất huy động tiền gửi tại các kì hạn ngắn và lãi suất cho vay một số lĩnh vực của NHNN.

Mục tiêu tổng quát của ngành ngân hàng năm 2020 là điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiềm chế lạm phát bình quân dưới 4%; duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối.

Mức lãi suất ở mức phù hợp với khả năng chi trả của Doanh nghiệp sẽ cải thiện tính thanh khoản cũng như tăng khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp cũng như của HND. HND có lợi thế khi năng lực tài chính mạnh mẽ, hệ số tín nhiệm tại các ngân hàng uy tín rất cao. Do đó, HND luôn được các tổ chức tín dụng quan tâm và có những chính sách hỗ trợ, hợp tác, giúp cho các hoạt động của HND được diễn ra thông suốt và tạo nên những giá trị lớn về kinh tế, xã hội.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và công ty đại chúng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Ngoài ra, HND chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện nay của HND, các quy định về hoạt động sản xuất.

truyền tải và phân phối điện.

Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của HND.

Để hạn chế rủi ro này, các bộ phận chức năng của HND đã thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách. Đồng thời, nghiên cứu các quy định, chính sách cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát hàng hóa của các nước mà HND có quan hệ hợp tác để nhằm hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý trong giao dịch.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Ở Việt Nam, ngành điện có tính độc quyền mua (tức nhiều nhà cung cấp cung cấp cho một nhà phát hành duy nhất) trong khâu truyền tải điện. Hiện đơn vị giữ độc quyền này là EVN. Các doanh nghiệp khai thác điện đang cạnh tranh rất khắc nghiệt để gia tăng thị phần. Trong ngành, các doanh nghiệp đều có phần điện bán cho EVN theo giá hợp đồng (chiếm 75 - 90% sản lượng), phần còn lại bán trên thị trường cạnh tranh nên sẽ chịu sự cạnh tranh lẫn nhau. Thủy điện có lợi hơn về giá so với nhiệt điện trên thị trường do vốn sản xuất thấp hơn rất nhiều, vì thế ngành nhiệt diện sẽ mất lợi thế rất nhiều trên thị trường bán điện cạnh tranh.

Các công ty nhiệt điện chịu ảnh hưởng lớn từ nguyên liệu đầu vào. Sự bất ổn trong sự cung cấp nhiên liệu đầu vào: than, khí... sẽ gây ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh ổn định của doanh nghiệp. Hơn thế nữa, khi giá cả nguyên liệu dầu vào tăng lên sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động vay ngoại tệ từ những ngân hàng nước ngoài đã khiến các doanh nghiệp trong ngành điện gặp rủi ro rất lớn từ sự biến động tỷ giá. Với nhiều bất ổn trên thị trường tài chính và chính trị quốc tế, như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc đã khiến tỷ giá các đồng tiền biến động liên tục. Doanh nghiệp trong ngành diện có đặc thù có vốn đầu tư khá lớn về cơ sở vật chất và công nghệ cùng với sự bảo lãnh của Bộ Tài chính trong thời gian trước đã khiến cho các doanh nghiệp vay ngoại tệ khá nhiều. Tỷ giá tăng khiến chi phí chênh lệch tỷ giá tăng lên đáng kể ăn mòn vào lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, các công ty trong ngành phải có các biện pháp quản trị rủi ro hiệu quả để tránh các thiệt hại từ thị trường mang lại.

4. Rủi ro của đợt chuyển nhượng vốn

Đợt chuyển nhượng vốn cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm thực hiện chào bán cạnh tranh, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phiếu HND. Vì vậy, có thể có rủi ro không chuyển nhượng được số cổ phần dự kiến chuyển nhượng.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính chất bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, cháy nổ... Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên đánh giá nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy... đồng thời lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hóa và tài sản của Công ty.

I. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu cổ phiếu chào bán

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Đại diện: Ông **Nguyễn Chí Thành** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là đầy đủ, chính xác, trung thực theo những thông tin Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng cung cấp cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

2. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG (HND)

Đại diện: Ông **Nguyễn Thường Quang** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu về Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu mọi trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

Đại diện: Ông **Đinh Ngọc Phương** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ tư vấn do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank ("Agriseco") tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng Tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng giữa Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nướcvà Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng cung cấp. Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

II. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Thông tin về tổ chức là chủ sở hữu cổ phiếu chào bán

1.1. Thông tin cơ bản

Tên đầy đủ	:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
Tên giao dịch quốc tế	:	STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION
Tên viết tắt	:	SCIC
Trụ sở chính	:	Tầng 23, Toà nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại	:	024 3824 0703 Fax: 024 6728 0136
Website	:	www.scic.vn
Logo	:	SCIC
Giấy CNĐKDN	:	Giấy CNĐKDN số 0101992921 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/07/2010 và cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 13/05/2019
Ngành nghề kinh doanh chính	:	✓ Đầu tư và quản lý vốn đầu tư theo nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; ✓ Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ; ✓ Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hoá, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đã tiếp nhận theo quy định hiện hành; ✓ Đầu tư và kinh doanh vốn vào ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật; ✓ Cung cấp các dịch vụ tư vấn về đầu tư, tài chính, chuyển đổi, quản trị, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và các ngành, nghề khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước– Công ty TNHH (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước.

SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường. SCIC được Chính phủ thành lập là bước đi quan trọng trong tiến trình thúc đẩy, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước,

tiến tới xoá bỏ can thiệp hành chính của các cơ quan Nhà nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin

2. Mối quan hệ với tổ chức phát hành

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nướclà cổ đông nhà nước và là cổ đông lớn tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

3. Số cổ phần sở hữu hiện tại

Tại thời điểm hiện tại, SCIC sở hữu 45.000.000 cổ phần tại HND, tương ứng với giá trị vốn góp 450.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá), tương đương với 9,00% vốn điều lệ của HND.

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP đại diện sở hữu cho SCIC (cổ phần)	Tỷ lệ đại diện sở hữu cho SCIC
1	Nguyễn Đức Luyện	Thành viên HĐQT	45.000.000	9,00%

Nguồn: HND

4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu

SCIC chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu đang sở hữu tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, tương đương tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu là 100%.

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Công ty

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG
Tên giao dịch quốc tế	: HAI PHONG THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: HND
Vốn điều lệ thực góp	: 5.000.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	: Thôn Doan, Xã Tam Hưng – Huyện Thủy Nguyên – Thành phố Hải Phòng
Điện thoại	: 0225 3775 161
Website	: www.ndhp.com.vn

Logo Công ty

EVNTPC HAI PHONG

Người đại diện theo pháp luật : Nguyễn Thường Quang – Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKKD : Số 0203000279 cấp ngày 17/09/2002. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 02004932225 ngày 20/06/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:

Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
4220	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Thi công, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo đường dây và trạm biến áp đến 220KV
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện
3510 (Chính)	**Sản xuất, truyền tải và phân phối điện** **Chi tiết: Sản xuất điện; Truyền tải và phân phối điện**
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng miếng)
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại
3312	Sửa chữa máy móc thiết bị
3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
3314	Sửa chữa thiết bị điện

8532	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo, dạy nghề quản lý thiết bị, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

- Thực hiện chủ trương thay đổi cơ chế quản lý kinh tế của các công ty, doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có các công ty phát điện. Ngày 30/7/2002, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 129/TB-VPCP nêu ý kiến của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho phép thành lập Công ty cổ phần có vốn của doanh nghiệp Nhà nước để đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng.

- Tháng 9/2002, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản, Tổng Công ty Bảo Việt, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Tổng Công ty XNK Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) đã đi đến thống nhất thành lập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng để đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện.

- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập ngày 17/9/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp gồm 05 cổ đông sáng lập, với tổng vốn điều lệ là 3.000 tỷ đồng của các đơn vị góp vốn:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 77,5%
- Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam: 10%
- Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam: 2,5%
- Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (Vinaconex): 5%
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama): 5%

- Thực hiện tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 (Quy hoạch điện V), bù đắp sự thiếu hụt công suất của hệ thống điện tại khu vực phía Bắc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được Thủ tướng Chính phủ giao làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng theo Quyết định số 1186/QĐ-TTg ngày 13/12/2002, đồng thời, Công ty tiếp tục được Thủ tướng giao làm chủ đầu tư Dự án Nhiệt điện Hải Phòng 2 theo Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005.

- Để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2, ngày 09/01/2008, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được tổ chức tại Hà Nội đã thông qua việc tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ đã đăng ký: 3.000.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thay đổi: 5.000.000.000.000 đồng
- Thời điểm thay đổi vốn: Tháng 2/2008
- Mục đích thay đổi vốn: Để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.

- Hình thức tăng vốn: Các cổ đông góp vốn bổ sung.

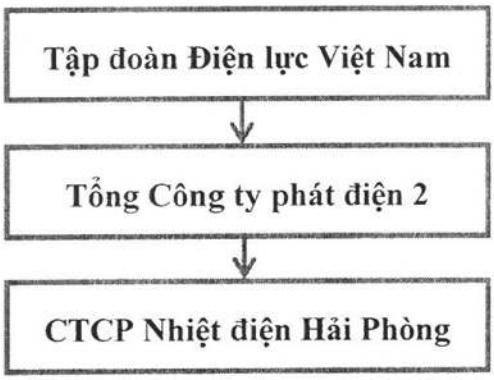
- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 138/TTg-ĐMDN ngày 03/02/2012 về việc thành lập các Tổng công ty phát điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, ngày 01/6/2012 Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3024/QĐ-BCT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO 2). Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là doanh nghiệp do EVNGENCO 2 nắm giữ 51% vốn điều lệ.

- Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng trở thành Công ty đại chúng được UBCKNN chấp thuận tại văn bản số 716/UB-QLPH ngày 24/02/2014.

- Ngày 05/10/2016, Cổ phiếu của Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu HND.

3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Hình 1. Cơ cấu tổ chức theo cấp quản lý



Nguồn: HND

- Ngày 28/12/2012, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Biên bản bàn giao điều hành cho EVNGENCO 2. Theo đó, từ ngày 01/01/2013, EVNGENCO 2 có quyền điều hành đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết thuộc EVNGENCO 2, trong đó có Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Một số thông tin giới thiệu về Tổng Công ty Phát điện 2:

- Tên gọi tiếng Việt: Tổng Công ty Phát điện 2.
- Tên giao dịch tiếng Anh: POWER GENERATION CORPORATION 2.
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: EVNGENCO 2.
- Vốn điều lệ: 10.677 tỷ đồng.
- Trụ sở chính: Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Giấy Chứng nhận ĐKKD số 1800590430 do Sở KH&ĐT TP.Cần Thơ cấp ngày 19/11/2012.

Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

Hình 2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban khác.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hiện có 07 thành viên bao gồm: 01 Chủ tịch, và 06 thành viên.

Bảng 1 : Danh sách Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		
		Sở hữu cá nhân (cổ phần)	Đại diện sở hữu cho SCIC(cổ phần)	Đại diện sở hữu cho tổ chức khác (cổ phần)
Tạ Công Hoan	Chủ tịch HĐQT	10.000	-	-
Nguyễn Trâm	Thành viên HĐQT	-	-	-

Nguyễn Thường Quang	Thành viên HDQT kiêm Tổng Giám đốc	60.000	-	51.000.000 (Đại diện cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH MTV)
Nguyễn Văn Quyên	Thành viên HĐQT	24.774	-	129.850.000 (Đại diện cho CTCP Nhiệt điện Phả Lại)
Nguyễn Minh Thành	Thành viên HĐQT	-	-	51.000.000 (Đại diện cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH MTV)
Lê Ngọc Nam	Thành viên HĐQT	-	-	36.050.000 (Đại diện cho TKVPOWER)
Nguyễn Đức Luyện	Thành viên HĐQT	-	45.000.000	-

Nguồn: HND

- **Ban Kiểm soát**

Do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Công ty.

Bảng 2: Danh sách Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	
		Sở hữu cá nhân(cổ phần)	Đại diện sở hữu cho SCIC(cổ phần)
Phạm Quốc Toàn	Trưởng Ban kiểm soát	20.000	-
Huỳnh Thị Phượng Khanh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Lê Thị Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

Nguồn: HND

- **Ban Tổng Giám đốc**

Chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Ban Tổng Giám đốc của HND gồm 02 thành viên: 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

Bảng 3: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	
		Sở hữu cá nhân(cổ phần)	Đại diện sở hữu cho SCIC (cổ phần)
Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	60.000	-
Dương Sơn Bá	Phó Tổng Giám đốc	6.707	-

Nguồn: HND

❖ ***Các Phòng, Ban chức năng***

- Phòng Hành chính – Lao động: Thực hiện chức năng tham mưu về tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ; tuyển dụng, đào tạo; lao động tiền lương, chế độ chính sách, bảo hộ lao động; quản lý cổ đông; thanh tra, bảo vệ, quốc phòng, an ninh, PCCC; pháp chế; thi đua khen thưởng, kỷ luật; văn hóa doanh nghiệp; văn thư, lưu trữ, quản trị văn phòng, y tế, quản lý xe ô tô; văn hóa thể thao; quan hệ cộng đồng, thông tin truyền thông và một số công tác khác.
- Phòng Kế hoạch – Vật tư: Tham mưu, giúp việc Tổng giám đốc về công tác đấu thầu, chào giá cạnh tranh và ký kết hợp đồng kinh tế bán hàng, tiếp thị quảng cáo, phát triển thị trường. Quản lý và nắm bắt tổng thể quá trình hoạt động SXKD của Công ty như tổng hợp các hợp đồng kinh tế đã thực hiện với khách hàng. Xây dựng hệ thống định mức nội bộ, soát xét lại việc áp dụng các đơn giá, định mức, quy chế khoán. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch. Xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm, kế hoạch dài hạn. Xây dựng phương án đầu tư góp vốn của công ty vào doanh nghiệp khác trình HĐQT phê duyệt. Quản lý các dự án đầu tư ra bên ngoài do công ty góp vốn. Thực hiện các thủ tục pháp lý về đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm thiết bị theo đúng quy định của Nhà nước.
- Phòng Kỹ thuật: Tham mưu giúp việc Tổng giám đốc về các Hợp đồng kinh tế sửa chữa bảo trì các nhà máy, xí nghiệp và các Hợp đồng kinh tế với các Công ty liên kết, công tác giao khoán nội bộ theo các Hợp đồng kinh tế, thu hồi vốn. Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng khoán nội bộ, xây dựng định mức, đơn giá nội bộ.
- Phòng Tài chính - Kế toán: Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác tổ chức quản lý, tổ chức và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính hoạch toán và thống kê. Theo dõi, phân tích và phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn tại Công ty và cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kinh tế cho Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh.
- Phòng An toàn - Môi trường: Thực hiện chức năng tham mưu, tổ chức về công tác an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống thiên tai, cháy nổ tìm kiếm cứu nạn và công tác môi trường…

- Phân xưởng Vận hành 1: Thực hiện chức năng quản lý vận hành các thiết bị lò-máy-hóa của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1, trạm bơm nước tuần hoàn và trạm bơm nước kỹ thuật và một số công tác khác.
- Phân xưởng Vận hành 2: Thực hiện chức năng quản lý vận hành các thiết bị lò-máy-hóa của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2, trạm bơm nước ngược, trạm bơm nước thải, trạm bơm nước sinh hoạt khu nhà ở cán bộ, công nhân phục vụ vận hành, sửa chữa và một số công tác khác.
- Phân xưởng Điện – Tự động: Thực hiện chức năng quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ hệ thống thiết bị điện và hệ thống đo lường, tự động điều khiển của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1&2 và một số công tác khác.
- Phân xưởng Nhiên liệu: Thực hiện chức năng quản lý vận hành, khai thác hệ thống cung cấp nhiên liệu của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1&2 và một số công tác khác.
- Phân xưởng sửa chữa cơ nhiệt: Thực hiện chức năng thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị cơ nhiệt của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1&2 và một số công tác khác.
- Phân xưởng sản xuất phụ: Thực hiện chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện quản lý, kinh doanh tro xỉ; kinh doanh quản lý, khu nhà ở cán bộ, công nhân phục vụ vận hành và sửa chữa; lễ tân, khánh tiết; dịch vụ nhà ăn, trông xe và một số công tác khác.

4. Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty

Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của HND ngày 09/04/2020

Stt	Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH một thành viên	1800590430	255.000.000	51,00
2	Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	0800296853	129.850.000	25,97
3	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	0101992921	45.000.000	9,00
4	Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP	0104297034	36.050.000	7,21
Tổng cộng			**465.900.000**	**93,18**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 09/04/2020 của HND

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông của HND ngày 09/04/2020

Stt	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông trong nước**	1071	499.985.000	99,85308
1	Tổ chức	12	491.590.709	98,318
2	Cá nhân	1059	8.394.291	1,679
II	**Cổ đông nước ngoài**	2	15.000	0,003
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	2	15.000	0,003
III	**Cổ phiếu quỹ**	0	0	0
Tổng cộng:		**1073**	**500.000.000**	**100**

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 09/04/2020 của HND

5. Danh sách công ty mẹ và các công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

5.1 Công ty mẹ

Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên

- Địa chỉ: Số 01 Lê Hồng Phong, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ
- Điện thoại: 0292 246 1507 Fax: 0292 222 7446
- Vốn điều lệ: 11.838.619.814.251 đồng
- Tỷ lệ nắm giữ tại HND: 51% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng, cơ khí điện lực;
- Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án nguồn điện;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; thí nghiệm điện;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình; tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện;

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

5.2 Công ty con, công ty liên kết

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty

Sản phẩm chính của HND là điện. Hai nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng thuộc Công ty chịu trách nhiệm quản lý đầu tư xây dựng, sản xuất và kinh doanh bán điện, với mục tiêu đáp ứng nhu cầu điện cấp bách cho hệ thống điện và cung cấp ổn định cho khu vực tam giác kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh với sản lượng thiết kế là 7,2 tỉ KWh điện hàng năm.

Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu thuần của Công ty hầu hết đều đến từ doanh thu thuần bán điện, còn lại là doanh thu thuần đến từ bán tro xỉ và doanh thu khác.

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Doanh thu thuần bán điện	9.150	9.085	9.519	11.291
2	Doanh thu thuần bán tro xỉ và doanh thu thuần khác	7	10	8	10
	Tổng cộng	**9.157**	**9.095**	**9.527**	**11.301**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và 2019 của HND

Năm 2019 trong sản xuất kinh doanh đã gặp phải nhiều sự thiếu hụt về nguồn cung cấp than. Mặc dù vậy, Công ty đã vận hành ổn định hai nhà máy, theo đó sản lượng điện sản xuất hai nhà máy đạt 8.102,40 tỷ KWh, đạt 104% kế hoạch giao.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất

Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	2016	2017	%Tăng/ giảm 2017/2016	2018	%Tăng/ giảm 2018/2017	2019	%Tăng/ giảm 2019/2018
1	Tổng tài sản	17.103	15.155	-11,39%	13.769	-9,14%	12.664	-8,03%
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	187	246	31,55%	432	75,61%	939	117,36%
3	Doanh thu thuần	9.157	9.095	-0,68%	9.527	4,75%	11.301	18,62%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	304	414	36,18%	450	8,70%	1.240	175.56%
5	Lợi nhuận khác	(0,651)	6	n/a	(0,903)	n/a	2	n/a
6	Lợi nhuận trước thuế	303	420	38,61%	449	6,90%	1.242	176,61%
7	Lợi nhuận sau thuế	287	396	37,98%	425	7,32%	1.173	176%
8	Tỷ lệ % lợi nhuận trả cổ tức	5%	6,5%	30%	7,5%	15,38%	Đã tạm ứng 5%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, 2018 và 2019 của HND

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối ổn định qua các năm. Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, trong đó chủ yếu là máy móc thiết bị. Quy mô tổng tài sản của Công ty có xu hướng giảm qua các năm, từ 17.103 tỷ đồng năm 2016 giảm xuống còn 12.664 tỷ đồng tại cuối năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty thực hiện đầu tư lớn tài sản vào giai đoạn đầu thành lập, việc trích khấu hao từ tài sản cố định sẽ làm giảm tài sản với giá trị lớn khi giá trị khoản mục tài sản cố định chiếm tới hơn 70% tổng tài sản theo đặc thù của công ty sản xuất trong khi các tài sản khác không có biến động với giá trị trọng yếu.

Công ty vừa đầu tư xây dựng vừa sản xuất kinh doanh, do đó công nợ phải trả của Công ty bao gồm: Khoản phải trả vốn vay cho hoạt động đầu tư, phải trả nhà thầu xây dựng và phải trả nhà cung cấp nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong khoản mục Nợ phải trả là các khoản vay USD và JPY với tỷ trọng trên 90% tại năm 2016 và 2017, giảm xuống còn 83,50% vào cuối năm 2019. Vì chiếm tỷ trọng lớn nên biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng rất lớn tới kết quả kinh doanh của Công ty.

Sau khi thực hiện đầu tư năm 2014, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đã dần đi vào ổn định. Những yếu tố về quy mô top đầu trong ngành, chi phí biến đổi thấp nhất so với các công ty cùng ngành cùng với những diễn biến tiêu cực trong hoạt động của các nhà máy thủy điện đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi giúp doanh thu của Công ty giữ mức

ổn định và có xu hướng tăng trưởng. Bằng chứng là doanh thu của Công ty đều ổn định và có xu hướng tăng qua các năm. Năm 2016, doanh thu thuần của Công ty đạt 9.157 tỷ đồng đến năm 2018 doanh thu đạt 9.527 tỷ đồng, đặc biệt hết năm 2019 Công ty đã đạt mức 11.301 tỷ đồng. Riêng về năm 2017, doanh thu có giảm nhẹ so với năm 2016 chủ yếu bởi trong năm 2017, lượng mưa trên cả nước khá cao khiến các công ty thủy điện tăng công suất từ đó sản lượng điện tiêu thụ của các công ty nhiệt điện giảm đi, đồng thời thị trường phát điện cạnh tranh ngừng vận hành, nhu cầu phụ tải hệ thống thấp hơn so với dự kiến. Từ năm 2018, doanh thu bắt đầu tăng trở lại với mức tăng 4,75% so với năm 2017, đặc biệt năm 2019 doanh thu thuần của Công ty đạt 11.301 tỷ đồng tăng 18,62% so với năm 2018. Nguyên nhân lớn nhất là do thời tiết khô hạn vẫn tiếp tục xảy ra ở nhiều hồ thủy điện trên cả nước, lượng nước về vẫn ở mức rất thấp so với trung bình nhiều năm; vì vậy các nhà máy nhiệt điện than đã và đang được huy động cao cho hệ thống điện quốc gia để bù lại sản lượng điện thiếu hụt từ hệ thống thủy điện. Việc tăng sản lượng điện tiêu thụ giúp doanh thu của Công ty tăng trưởng rõ rệt. Dự kiến tình trạng khô hạn sẽ kéo dài sang năm 2020 sẽ tạo điều kiện rất lớn giúp HND tối đa hóa công suất của các nhà máy, tận dụng sự thuận lợi của thời tiết gia tăng hiệu quả hoạt động với sự tăng trưởng của doanh thu, các chỉ tiêu về lợi nhuận của HND cũng có những biến động tương tự.

Hiện tại, Công ty đang phân bổ khoản lỗ do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC-TCDN ngày 08/03/2016, theo đó khoản lỗ này sẽ được phân bổ trong vòng 05 năm và thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9/2/2017. Như vậy, đối với khoản chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư xây dựng, Công ty được phân bổ trong thời hạn không quá 5 năm từ khi đi vào hoạt động. Đối với khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm 2015, Công ty được phép phân bổ dần vào các năm 2015 – 2019. Đến năm 2018, khoản lỗ này đã được phân bổ hết. Năm 2019, Công ty không phải phân bổ các khoản lỗ này, vì vậy lợi nhuận sau thuế năm 2019 đã tăng 176% so với cùng kỳ năm trước, đạt hơn 1.173 tỷ đồng.

Về việc thực hiện đầu tư dự án trong năm:

- Dự án NMNĐ Hải Phòng 2 đã được EVN thông qua giá trị quyết toán, Công ty đang thực hiện các thủ tục phê duyệt hiệu chỉnh TMĐT để hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết toán.

- Dự án nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1&2 theo Quyết định 2580/QĐ-NĐHP ngày 19/5/2017 của Hội đồng quản trị.

- Mục tiêu Dự án:

Đảm bảo các thông số SO2, NOx đáp ứng QCVN22:2009/BTNMT và điều chỉnh quy hoạch thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Phạm vi công việc của Dự án

Với mục tiêu trên, phạm vi công việc của Dự án bao gồm các nội dung chính như sau:

- Đầu tư mới hệ thống khử NO_x trong khí thải lò hơi của các tổ máy với công nghệ có sử dụng chất xúc tác (SCR).
- Nâng cấp, cải tạo một số bộ phận bên trong tháp FGD hiện hữu để nâng cao hiệu suất của hệ thống.
- Cải tạo, thay thế một số trang thiết bị của hệ thống dầu FO hiện tại để phù hợp với yêu cầu cho sử dụng dầu DO.
- Lắp đặt mới đồng bộ hệ thống giám sát phát thải (CEMS) cho các tổ máy.

- Tiến độ thực hiện dự án tới thời điểm hiện tại: Đã dừng triển khai và đang đợi ý kiến của cấp có thẩm quyền.

Về thực hiện chi trả cổ tức:

Việc Công ty thực hiện trả cổ tức tăng dần qua các năm bước đầu đã tạo niềm tin cho cổ đông và các nhà đầu tư. Đây là lợi thế giúp Công ty có thể tận dụng để thu hút vốn mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo cũng cần phải có những chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thị trường và định hướng của Nhà nước, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Những tiến bộ mà Công ty đã đạt được:

- Công ty đã sắp xếp mô hình tổ chức và bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh, bộ máy gọn nhẹ và năng động, nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là sản xuất kinh doanh sau khi cơ bản hoàn thành công tác đầu tư xây dựng.

- Tăng cường chú trọng hoàn thiện các Quy chế, Quy định trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý cả Công ty, công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nề nếp và có hiệu quả cao.

- Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng cao, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

- Tăng cường công tác tự kiểm soát và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

- Duy trì việc chấp hành các chế độ chính sách Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như Hội đồng quản trị.

Các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Thuận lợi:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được sự quan tâm giúp đỡ của UBND Thành phố Hải Phòng và các đơn vị có liên quan. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm có thu nhập từ hoạt động sản xuất điện.

- Công ty có được sự chỉ đạo kịp thời, sát sao của Hội đồng quản trị, các Cổ đông góp vốn và sự giúp đỡ có hiệu quả của các cổ đông, đặc biệt là Tổng công ty Phát điện 2. Tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên của Công ty luôn đoàn kết, gắn bó lâu dài với Công ty cũng như luôn chung sức, chung lòng, kiên trì thực hiện các mục tiêu mà Công ty đề ra.

- Lực lượng cán bộ của Công ty không ngừng được trẻ hóa, có năng lực và nghiệp vụ quản lý, phát huy tốt nghiệp vụ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Lực lượng vận hành đã làm chủ được thiết bị, tuân thủ các lệnh điều độ sản xuất của A0 đảm bảo phương thức trước và sau khi tham gia thị trường điện.

- Hiện tượng El – Nino khiến cho các công ty thủy điện gặp nhiều khó khăn do lượng mưa thấp hơn trung bình nhiều năm là điều kiện thuận lợi giúp các công ty nhiệt điện có lợi thế cạnh tranh hơn trên thị trường cả thị trường bán điện giao ngay và cạnh tranh.

- Tốc độ tăng trưởng về tiêu thụ điện ngày càng tăng qua các năm, trong khi đó sản lượng sản xuất chưa đủ đáp ứng nhu cầu. Điều này tạo điều kiện cho các công ty sản xuất điện vẫn có nhiều dư địa thực hiện mở rộng sản xuất kinh doanh cũng như lợi thế đàm phán cao hơn so với EVN, đặc biệt với những doanh nghiệp có chi phí biến đổi thấp như HND.

- Ổn định nguyên liệu đầu vào từ nhà cung cấp. HND đã ký hợp đồng mua bán than dài hạn với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) nên sản lượng than đầu vào của HND được đảm bảo giúp hoạt động sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn đồng thời có thể dự báo những biến động tiêu cực về giá để có các biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

Khó khăn:

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp ở trong nước và trên thế giới làm ảnh hưởng đáng kể tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thị trường điện cạnh tranh với các công ty thủy điện và công ty điện khí. Với điều kiện thuận lợi, các công ty thủy điện và công ty điện khí sẽ có lợi thế cạnh tranh hơn với các công ty nhiệt điện như HND do chi phí thấp hơn nhiều khiến sản lượng điện bán cho EVN bị phụ thuộc rất nhiều sản lượng thủy điện và điện khí.

⁎ Lợi nhuận của HND bị tác động mạnh bởi biến động tỷ giá USD/VND và JPY/VND. Hai nhà máy của HND vẫn đang giai đoạn đầu đi vào hoạt động vì thế tỷ trọng nợ vay ngoại tệ vẫn còn khá lớn. Do vậy, biến động về tỷ giá có tác động rất lớn tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây là một khó khăn rất lớn khi đầu tư vào HND trong ngắn hạn và trung hạn khi khoản lỗ từ chênh lệch tỷ giá có thể đẩy doanh nghiệp từ lãi thành lỗ trong năm.

⁎ Do mức đầu tư cao, vì vậy chi phí cố định của HND khá cao so với công ty cùng ngành, trong khi chi phí biến đổi khả thấp. Đây vừa là lợi thế cũng vừa là bất lợi đối với công ty. Khi sản lượng tiêu thụ điện thấp, sẽ khiến Công ty bị lỗ nhiều hơn.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu điện cấp bách cho hệ thống điện và cung cấp ổn định cho khu vực tam giác kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Nhiệt điện Hải Phòng đã được Thủ tướng Chính phủ giao làm chủ đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2 đặt tại xã Tam Hưng, huyện Thuỷ Nguyên, TP. Hải Phòng. Hai nhà máy có công suất 4 x 300 MW, tổng mức đầu tư hơn 1,2 tỷ USD. Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 đã đi vào vận hành thương mại từ năm 2011, Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2 vận hành thương mại từ năm 2014.

Dây là hai nhà máy thuộc Top các nhà máy nhiệt điện đốt than lớn nhất trong hệ thống điện Việt Nam. Từ khi đưa vào vận hành thương mại, Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2 hoạt động ổn định với hệ số khả dụng cao. Nhờ tiềm năng phát triển của ngành và thế mạnh riêng, Nhiệt điện Hải Phòng duy trì được kết quả kinh doanh khả quan. Năm 2018, doanh thu thuần đạt hơn 9.527 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dạt 424,9 tỷ đồng. Năm 2019, Công ty đạt hơn 11.301 tỷ đồng doanh thu thuần và 1.173 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

Hiện nay, cung cấp điện từ nguồn nhiệt điện than chịu áp lực cạnh tranh từ nguồn khác đặc biệt là các nhà máy thủy điện như Thủy điện Sơn La, Thủy điện Hòa Bình, Thủy điện Yaly... Tuy nhiên, các nhà máy thủy điện cũng có hạn chế như tình trạng thiếu điện vào năm khô hạn, dẫn tới các nhà máy thủy điện bị giảm sản lượng điện sản xuất. Như vậy, các công ty nhiệt điện vẫn chiếm vị trí quan trọng trong cung cấp điện cho nền kinh tế. Với công suất thuộc hàng lớn nhất về nhiệt điện than của toàn quốc, HND hứa hẹn vị trí dẫn dầu trong tương lai.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành Điện Việt Nam là một trong những ngành then chốt, hấp dẫn đầu tư do tốc độ tăng trưởng kinh tế và nhu cầu sử dụng điện năng tại Việt Nam ngày một tăng cao. Sản lượng điện tiếp tục gia tăng. Quy mô hệ thống điện Việt Nam hiện đứng thứ 2 khu vực Đông Nam Á và thứ 30 trên thế giới, với đa dạng loại hình nguồn điện như: thủy điện,

nhiệt điện đốt than, nhiệt điện đốt dầu FO, tua bin khí chu trình hỗn hợp đốt khí, tua bin khí chu trình đơn đốt dầu DO, diesel.

Trong thời gian tới, ngành điện nói chung và ngành nhiệt điện nói riêng vẫn được đánh giá phát triển khả quan dựa trên các yếu tố sau:

- Nhu cầu điện vẫn tăng cao: Tình trạng thiếu hụt điện khi nhu cầu tiêu thụ trong giai đoạn 2019 – 2021 được dự báo tiếp tục tăng CAGR 10% và công suất phát điện giảm xuống 4,7% cho thấy EVN phải tăng cường huy động các nhà máy điện có sẵ để đáp ứng nhu cầu, đồng thời nhập khẩu lượng điện từ Lào, Trung Quốc để bổ sung nguồn cung.

- Yếu tố thời tiết là rất quan trọng với ngành điện, hiện tượng El Nino đã quay trở lại từ cuối năm 2018. El nino là hiện tượng thời tiết gây ra khô hạn trên diện rộng khiến sản lượng thủy điện sụt giảm. Các doanh nghiệp nhiệt điện sẽ có cơ hội tăng sản lượng trong thời gian tới để bù vào sản lượng thủy điện đã sụt giảm.

- Với sự hình thành của thị trường buôn bán điện cạnh tranh VWEM từ 1/1/2019 (là thị trường mà EVN phải chịu sự cạnh tranh của PVN và Vinacomin trong việc mua điện) sẽ giúp các doanh nghiệp khai thác tăng được giá bán trên thị trường và cải thiện năng suất sản lượng hiện hữu.

- Kì vọng việc cơ cấu lại nguồn điện để tăng khả năng sản xuất sẽ là một bước tiến quan trọng thúc đẩy toàn ngành. Trong trung hạn tỷ trọng thủy điện sẽ giảm do thời tiết như đã phân tích ở trên khiến tỷ trọng của lĩnh vực này suy giảm mạnh trước sự gia tăng của nhiệt điện. Dự báo trong khoảng 5 năm từ 2020 – 2025, tỷ trọng nhiệt điện sẽ tăng lên 46%.

9. Tình hình hoạt động tài chính

9.1 Trích khấu hao TSCD

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50 năm
Máy móc và thiết bị	04 – 25 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm
Phương tiện vận chuyển	06 – 25 năm
Tài sản khác	05 – 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Phần mềm máy tính	03 – 05 năm
Tài sản vô hình khác	05 – 10 năm

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của HND

9.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã chủ động chuyển các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả sang vay ngắn hạn. Công ty thực hiện tốt việc thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Hiện tại, Công ty không nợ quá hạn.

9.3 Các khoản còn phải nộp theo quy định

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế, phí khác theo quy định của Nhà nước.

Đvt: Triệu đồng

Loại thuế	Còn phải nộp	
	31/12/2018	31/12/2019
Thuế Giá trị gia tăng	-	27.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.961	17.502
Thuế thu nhập cá nhân	402	276
Thuế tài nguyên	6.551	7.986
Các loại thuế khác	-	-
Tổng	**11.914**	**53.489**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và 2019 của HND

9.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo theo Điều lệ Công ty và theo luật định.

Bảng 8: Trích lập các quỹ của Công ty

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	36.642	46.522	47.933	28.040
2	Quỹ đầu tư và phát triển	39.316	42.411	63.594	63.435

Nguồn:BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018 và 2019 của HND

9.5 Tổng dư nợ cho vay

Bảng 9: Tổng dư nợ cho vay

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
1	Vay nợ ngắn hạn	2.147.533	1.902.998	1.861.338	1.870.334
2	Vay nợ dài hạn	9.024.171	7.200.310	5.390.593	3.527.173
Tổng cộng		**11.171.704**	**9.103.308**	**7.251.931**	**5.397.507**

Nguồn:BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018 và 2019 của HND

Các khoản nợ vay dài hạn của Công ty chủ yếu là khoản vay để phục vụ việc đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng. Thông tin một số khoản vay lớn được nêu chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty, được công bố trên website của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và website của Công ty.

9.6 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 10: Các khoản phải thu

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
I	**Phải thu ngắn hạn**	**1.187.494**	**1.818.210**	**1.967.017**	**2.277.896**
1	Phải thu khách hàng	1.124.273	1.770.690	1.932.302	2.252.417
2	Trả trước người bán	2.674	2.129	1.187	1.635
3	Phải thu ngắn hạn khác	60.547	46.249	34.142	24.503
4	Dự phòng phải thu	-	(858)	(614)	(660)
II	**Phải thu dài hạn**	-	-	-	-
Tổng cộng		**1.187.494**	**1.818.210**	**1.967.017**	**2.277.896**

Nguồn:BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018 và 2019 của HND

Bảng 11: Các khoản phải thu của các bên liên quan

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn điện lực Việt Nam	1.121.384	1.768.719	1.927.065	2.247.531

Nguồn:BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018 và 2019 của HND

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Bảng 12: Các khoản phải trả

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
I	**NỢ NGẮN HẠN**	**3.369.816**	**2.768.623**	**2.686.558**	**2.937.244**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	614.569	452.670	353.303	412.810
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	138	138	46
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.702	28.263	11.914	53.490

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
4	Phải trả người lao động	55.959	37.447	36.874	51.309
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	392.513	287.347	277.153	313.075
6	Phải trả ngắn hạn khác	117.898	13.238	97.905	208.140
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.147.533	1.902.998	1.861.338	1.870.334
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.642	46.522	47.933	28.040
II	**NỢ DÀI HẠN**	**9.024.171**	**7.200.310**	**5.390.593**	**3.527.173**
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.024.171	7.200.310	5.390.593	3.527.173
Tổng cộng		**12.393.987**	**9.968.933**	**8.077.151**	**6.464.417**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018 và 2019 của HND

Ý kiến nhấn mạnh của Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 trích từ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của HND như sau:

"Chúng tôi lưu ý tới:

Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) trong báo cáo tài chính, trong đó đề cập việc Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10"), và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCDN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ("Công văn 3003"), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 ("Công văn 2239"). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc "Vốn chủ sở hữu", thay vì vào " Chi phí tài chính", và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục được phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi áp dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế

toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư 200 hiện hành.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến số liệu so sánh của báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) của báo cáo tài chính. Như được trình bày tại Thuyết minh 23, Công ty đã phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào chi phí tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo nguyên tắc cân đối chi phí với kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Do vậy giá trị khoản phân bổ vào chi phí phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của Ban Giám đốc Công ty."

9.7 Đầu tư tài chính

Bảng 13: Đầu tư tài chính

Đvt: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	**5.000**	**500**	**500**	**500**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.000	500	500	500
Tổng cộng	**5.000**	**500**	**500**	**500**

Nguồn:BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018 và 2019 của HND

9.8 Cơ cấu chi phí

Bảng 14: Cơ cấu chi phí

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Doanh thu thuần	**9.157.246**	**100%**	**9.094.895**	**100%**	**9.526.838**	**100%**	**11.301.249**	**100%**
Giá vốn hàng bán	7.799.078	85,17%	7.389.366	81,25%	7.934.538	83,29%	9.544.862	84,46%
Chi phí tài chính	981.024	10,71%	1.157.522	12,73%	997.368	10,47%	397.079	3,51%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	107.392	1,17%	157.991	1,74%	169.278	1,78%	153.222	1,36%
Chi phí khác	6.160	0,067%	3.489	0,038%	4.108	0,043%	4.696	0,042%
Tổng chi phí	**8.893.654**	**97,12%**	**8.708.368**	**95,75%**	**9.105.292**	**95,56%**	**10.099.859**	**89,37%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018 và 2019 của HND

Tổng chi phí của Công ty từ năm 2016 – 2018 đều tăng qua các năm do sự tăng lên của doanh thu. Tuy nhiên, tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần có xu hướng giảm dần từ

97,12% tại năm 2016 xuống còn 89,37% năm 2019. Nguyên nhân là do sự biến động tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty. Cụ thể:

Chi phí giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất trong doanh thu thuần với tỷ lệ chiếm 85,17% năm 2016 giảm xuống còn 81,25% năm 2017, nguyên nhân chủ yếu do chi phí nguyên liệu phụ liệu giảm mạnh. Tuy nhiên sang năm 2018 và đến năm 2019, tỷ trọng này lại tăng lên đáng kể bởi sự thiếu hụt than từ nhà cung cấp. Sự thiếu hụt than trên thị trường khiến TKV và các công ty sản xuất than phải thực hiện nhập khẩu than từ nước ngoài. Điều đáng nói là giá than nhập khẩu năm 2018 và năm 2019 khá cao so với năm 2017, trong khi đó sản lượng than thiếu ngày càng trầm trọng khiến chi phí giá vốn của các công ty cũng tăng theo.

Chi phí tài chính là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong tổng chi phí. Trong đó chủ yếu đến từ phân bổ chênh lệch tỷ giá các khoản đầu tư xây dựng cơ bản và đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ và chi phí lãi vay. Do sự phân bổ chi phí tài chính chênh lệch tỷ giá do đầu tư xây dựng cơ bản đã được phân bổ đến hết năm 2018, nên khoản mục này trong năm 2019 đã giảm rất nhiều so với các năm trước.

Chi phí quản lý tài chính doanh nghiệp chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty và không có sự biến động nhiều chủ yếu bao gồm các chi phí về thuế, nhân viên quản lý và các chi phí khác.

Chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể và có xu hướng giảm qua các năm.

Với cơ cấu chi phí nêu trên, Công ty cần đặc biệt chú ý tới chính sách quản lý nguyên phụ liệu. Các chính sách hiệu quả sẽ giúp Công ty ứng phó được các rủi ro bất thường trong giai đoạn căng thẳng về việc thiếu hụt than cung cấp như hiện nay. Ngoài ra, các chính sách tài chính về phân bổ nguồn vốn cũng cần được tính toán hợp lý, đánh giá sự tác động của tỷ giá hối đoái tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo lợi thế từ vay nợ vừa đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

9.9 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 15: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1.Khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,72	0,92	1,12	1,24
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,54	0,67	0,99	1,04
2.Cơ cấu nguồn vốn					
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,72	0,66	0,59	0,51
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,63	1,92	1,42	1,04

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
3.Năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	13,98	11,22	14,80	20,00
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản	Lần	0,51	0,56	0,66	0,86
4.Khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,14	4,35	4,46	10,38
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,02	8,00	7,81	19,72
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,60	2,45	2,94	8,87
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,31	4,55	4,72	10,97
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	Đồng	575	791	850	2.345
Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	%	5	6,5	7,5	Tạm ứng 5%

Nguồn: Tính toán từ BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, 2018, 2019 của HND

Với hệ số khả năng thanh toán: Các chỉ tiêu hệ số khả năng thanh toán hiện thời và thanh toán nhanh đều tăng qua các năm. Nguyên nhân chủ yếu là do tài sản ngắn hạn đều tăng trong khi đó nợ ngắn hạn thì giảm qua các năm do Công ty thực hiện trả nợ vay và giảm chiếm dụng vốn từ nhà cung cấp. Đây là dấu hiệu tốt để nâng cao sức mạnh tài chính, tạo tiền đề mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Về hệ số cơ cấu nguồn vốn: Tỷ trọng nợ trong tổng nguồn vốn giảm dần qua các năm; mặc dù tổng nguồn vốn của Công ty đều giảm qua các năm nhưng tốc độ giảm thấp hơn nợ phải trả do có sự tăng lên của vốn chủ sở hữu vì vậy cơ cấu nợ của HND có dấu hiệu giảm. Điều này khiến Công ty hạn chế áp lực trả nợ, tuy nhiên Công ty cũng cần có chính sách cơ cấu vốn hợp lý để đạt lợi ích cao nhất cho chủ sở hữu.

Về hệ số năng lực hoạt động: Các hệ số năng lực hoạt động đạt tín hiệu tích cực từ năm 2016 đến 2019, đặc biệt tăng mạnh trong năm 2019. Công ty đang chứng minh chiến lược phát triển phù hợp qua hiệu quả sử dụng tài sản tốn ít chi phí và tạo ra nhiều doanh thu nhất. Dự báo, với những điều kiện thuận lợi từ chủ quan và khách quan sẽ giúp HND gặt hái được nhiều thành công hơn nữa trong tương lai.

9.10 Tình hình và Công tác nhân sự

- Tính đến thời điểm 31/12/2019, tổ chức bộ máy của Công ty gồm 862 nhân sự với cơ cấu như sau:

Bảng 16: Cơ cấu lao động tại Công ty

Tiêu chí	Số người
Theo trình độ lao động	
- Đại học trở lên	279
- Cao đẳng, trung cấp	396
- Sơ cấp	20
- Công nhân kỹ thuật	145
- Chưa qua đào tạo	22
Theo loại hợp đồng	
- Không xác định thời hạn	862
- Xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	0
Theo tính chất công việc	
- Ban Lãnh đạo	6
- Trực tiếp sản xuất kinh doanh	623
- Gián tiếp	233
Theo giới tính	
- Nam	667
- Nữ	195

Nguồn: HND

- Trong năm 2019, HND luôn đảm bảo các chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.
- Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động và giải thích, giải quyết thấu đáo, đúng quy định, đúng pháp luật.
- Các chính sách đối với người lao động

- Chính sách tiền lương: Hội đồng quản trị đã ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương đối với người lao động có hiệu lực từ ngày 23/03/2017. Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế phân phối tiền lương cho người lao động và tổ chức thực hiện, đảm bảo công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty và người lao động. Công ty thực hiện chế độ xếp bậc lương cho người lao động theo bảng lương của Nhà nước. Việc chi trả lương được thực hiện 2 lần vào ngày 05 tháng và ngày 15 hàng tháng. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho cán bộ công nhân viên hằng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.

- Chính sách thưởng: Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi người lao động được hưởng cao hơn so với luật như:

• Công ty cho thuê nhà đối với những CBCNV ở xa hoặc chưa có nhà ở.

• Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất; thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc cho nghỉ công tác để đi tham quan nghỉ mát trong và ngoài nước.

• Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Người lao động được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ, Tết.

• Thực hiện một số chế độ khác có lợi cho người lao động.

- Phúc lợi: hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch, duy trì thường xuyên phong trào văn hóa, thể dục, thể thao...

- Quản trị nguồn nhân lực: Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, để người lao động có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...

- Chính sách đào tạo: Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

• Tổng số giờ đào tạo: 2.120 giờ.

• Lượt người được đào tạo: 1.200 lượt người. Số giờ đào tạo trung bình: 1,76 giờ/người.

• Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

- Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi người lao động được hưởng cao hơn so với luật như:

• Công ty cho thuê nhà đối với những CBCNV ở xa hoặc chưa có nhà ở.

• Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất; thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc cho nghỉ công tác để đi tham quan nghỉ mát trong và ngoài nước.

• Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Người lao động được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ, Tết.

• Thực hiện một số chế độ khác có lợi cho người lao động.

10. Tài sản

Bảng 17: Tình hình tài sản cố định của Công ty ngày 31/12/2018

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**22.058.473**	**10.327.040**	**46,82%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.343.940	5.480.024	52,98%
2	Máy móc thiết bị	10.940.052	4.569.033	41,76%
3	Thiết bị văn phòng	219.416	44.789	20,41%
4	Phương tiện vận chuyển	554.008	232.758	42,01%
5	Tài sản khác	1.058	436	41,21%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**2.668**	**1.212**	45,43%
1	Phần mềm máy tính	1.130	118	10,44%
2	Tài sản vô hình khác	1.538	1.094	71,13%
Tổng cộng		**22.061.141**	**10.328.252**	**46,82%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của HND

Bảng 18: Tình hình tài sản cố định của Công ty ngày 31/12/2019

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**22.079.165**	**8.558.676**	**38,76%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.363.560	4.768.628	46,01%
2	Máy móc thiết bị	10.940.526	3.576.394	32,69%
3	Thiết bị văn phòng	220.013	24.020	10,92%
4	Phương tiện vận chuyển	554.008	189.348	34,18%
5	Tài sản khác	1.058	286	27,03%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**2.826**	**1.057**	**37,40%**
1	Phần mềm máy tính	1.288	154	11,96%
2	Tài sản vô hình khác	1.538	903	58,71%
Tổng cộng		**22.081.991**	**8.559.733**	**38,76%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của HND

11. Danh mục đất đai của HND

Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hiện đang quản lý, sử dụng các khu đất sau:

Bảng 19: Danh mục đất đai của HND

STT	Tên/địa chỉ cơ sở đất	Diện tích (m^2)	Thời hạn thuê đất	Pháp lý	Ghi chú
1	Khu nhà máy chính Nhiệt điện Hải Phòng 1	402.929,9		HĐ thuê đất số 61/HĐ/TĐ ngày 17/11/2005	
1.1	Đất để xây dựng nhà máy NĐHP 1	332.084	Thời hạn thuê đất: 40 năm, từ 13/8/2003 đến 13/8/2043	GCN QSDĐ số AC 031444	
1.2	Đất để làm bãi thi công	70.845,9	Sau khi hoàn thành công trình phải hoàn trả lại mặt bằng cho địa phương quản lý, sử dụng		Hiện trạng đã xây dựng xong nhà máy nhưng khu đất này hiện nay Công ty đang sử dụng một phần (24.579,9 m^2)
2	Khu nhà phục vụ quản lý vận hành và sửa chữa	102.547,5			
2.1	Đất để xây dựng khu nhà phục vụ vận hành, sửa chữa và làm đường vào	61.942,5	Thời hạn thuê đất: 40 năm, từ 15/4/2004 đến 15/4/2044	QĐ 1112/QĐ-UB ngày 15/4/2004	Đã có quyết định thu hồi giao cho NĐHP nhưng chưa ký được Hợp đồng thuê đất
2.2	Đất để xây dựng khu nhà ở cán bộ công nhân phục vụ vận hành sửa chữa	40.605		QĐ 2472/QĐ-UBND ngày 09/12/2009	Đã có quyết định thu hồi giao cho NĐHP nhưng chưa ký được Hợp đồng thuê đất

3	Khu trạm bơm nước ngọt	2.391	Thời hạn thuê đất: 40 năm kể từ 23/8/2005 đến 23/8/2045	HĐ 141/HĐ-TĐ ngày 18/12/2007 GCN QSDĐ số T00486	
4	Khu bãi chứa tro xỉ	630.200	Thời hạn thuê đất từ 10/12/2003 đến 10/12/2043	HĐ thuê đất số 189/HĐ-TĐ ngày 31/12/2013 GCN QSDĐ số BN 877922	
5	Tuyến kênh thải nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1	191.749	Thời hạn thuê đất: 40 năm từ 15/4/2004 đến 15/4/2044	HĐ thuê đất số 188/HĐ-TĐ ngày 31/12/2013 GCN QSDĐ số BN 877970	
6	Khu cầu cảng, trạm bơm tuần hoàn mở rộng	149.478,8	Thời hạn thuê đất: 50 năm từ 14/9/2006 đến 14/9/2056	QĐ 2041/QĐ-UBND ngày 14/9/2006	Đã có quyết định thu hồi giao cho NĐHP nhưng chưa ký được HĐ thuê đất
7	Khu nhà máy chính Nhiệt điện Hải Phòng 2	318.452,88		QĐ 1828/QĐ-UBND ngày 16/8/2006	
7.1	Đất để xây dựng nhà máy chính Nhiệt điện Hải Phòng 2	238.888,10	Thời hạn thuê đất: 50 năm từ 16/8/2006 đến 16/8/2056		Đã có quyết định thu hồi giao cho NĐHP nhưng chưa ký được HĐ thuê đất
7.2	Đất để làm bãi tổ hợp thiết bị sử dụng trong thời gian thi công xây dựng nhà máy	55.340,60	Sau khi hoàn thành công trình phải hoàn trả lại mặt bằng cho địa phương quản lý, sử dụng		Hiện trạng đã xây dựng xong nhà máy nhưng khu đất này chưa bàn giao lại địa phương mà vẫn tiếp tục sử dụng
7.3	Đất để xây dựng hoàn trả các công trình: mương thủy lợi, đường dân	24.224,18	Sau khi hoàn thành công trình phải hoàn trả lại mặt bằng cho địa phương		Hiện trạng đã xây dựng xong nhà máy nhưng khu đất này chưa bàn giao lại địa

	sinh, đường công vụ		quản lý, sử dụng		phương mà vẫn tiếp tục sử dụng
8	Tuyến ống nước tuần hoàn Nhiệt điện Hải Phòng 2 (phần nối từ nhà máy NĐ HP2 đến kênh thải HP1)	7.409	Thời hạn thuê đất từ 04/3/2011 đến 16/8/2056	HĐ thuê đất số 120/HĐ-TĐ ngày 05/9/2013 GCN QSDĐ số BP 423941	
9	Tuyến ống nước tuần hoàn Nhiệt điện Hải Phòng 2 (phần xây dựng các cầu qua kênh và cống qua đê)	65.754,76	Thời hạn thuê đất từ 07/3/2011 đến 16/8/2056	HĐ thuê đất số 50/HĐ-TĐ ngày 06/5/2013 GCN QSDĐ số BN 877616 GCN QSDĐ số BN 877617 GCN QSDĐ số BN 877618 GCN QSDĐ số BN 877619 GCN QSDĐ số BN 877620	
10	Tuyến băng tải than	509,1	Thời hạn thuê đất từ 31/12/2010 đến 16/8/2056	HĐ thuê đất số 52/HĐ-TĐ ngày 06/5/2013 GCN QSDĐ số BN 877625	
11	Tuyến đường công vụ vận chuyển thiết bị	541,3	Thời hạn thuê đất từ 05/01/2011 đến 16/8/2056	HĐ thuê đất số 51/HĐ-TĐ ngày 06/5/2013 GCN QSDĐ số BN 877624	

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 20: Lợi nhuận và cổ tức năm 2019, kế hoạch năm 2020

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2019	Kế hoạch 2020	KH2020/ TH2019
1	Sản lượng điện sản xuất (triệu kWh)	8.102,4	8.150	100,59%
2	Doanh thu thuần	11.301	11.255,437	99,60%
3	Lợi nhuận trước thuế (chưa bao gồm CLTG)	1.256	943,079	75,09%
4	Lợi nhuận sau thuế (chưa bao gồm CLTG)	1.187	895,925	74,48%
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế (chưa bao gồm CLTG)/ Doanh thu thuần	10,50%	7,96%	75,81%
6	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế (chưa bao gồm CLTG)/ Vốn điều lệ	23,74%	17,92%	75,48%
7	Cổ tức (%)	Đã tạm ứng 5% ĐHCĐ sẽ quyết định mức cổ tức năm 2019 vào ĐHCĐ thường niên	Dự kiến trình ĐHCĐ năm 2020 thông qua mức 10%	-

Nguồn: Tính toán theo dự thảo Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của HND

Căn cứ để đạt được mục tiêu lợi nhuận và cổ tức năm 2020:

Với tình hình thị trường có nhiều biến động do ảnh hưởng từ dịch bệnh khiến hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn. Vì vậy, Công ty thực hiện lập kế hoạch kinh doanh năm 2020 một cách thận trọng. Và Để đạt được kết quả kinh doanh theo như kế hoạch đề ra, HND chủ trương thực hiện đồng bộ các giải pháp:

❖ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Duy trì vận hành an toàn – kinh tế các tổ máy phát điện, đảm bảo sản xuất phải bù đắp các khoản chi phí;
- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, tham gia có hiệu quả trong thị trường phát điện cạnh tranh, cũng như tham gia thị trường điện bán buôn.
- Duy trì, nâng cao chất lượng máy móc thiết bị, nguồn nhân lực để vận hành các tổ máy

sẵn sàng phát cao, đáp ứng yêu cầu của hệ thống. Đảm bảo vật tư sản xuất, vật tư sửa chữa. Hoàn thành đúng tiến độ đại tu, trung tu các tổ máy.

- Chỉ đạo Công ty áp dụng các giải pháp nâng cao chất lượng sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên đảm bảo nâng độ tin cậy của các tổ máy.
- Xây dựng đầy đủ các định mức tiêu hao, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

❖ **Về đầu tư xây dựng cơ bản**

- Tiếp tục phối hợp thực hiện quyết toán Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.
- Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn bị hồ sơ liên quan tới các dự án môi trường, sẵn sàng triển khai ngay khi có ý kiến của cơ quan liên quan.

❖ **Về kế hoạch đào tạo**

- Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, vận hành và sửa chữa.
- Nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.

❖ **Các kế hoạch khác**

- Chủ động có các biện pháp phòng chống dịch Covid-2019, thực hiện nghiêm hướng dẫn của các cơ quan chức năng.
- Thu xếp đủ vốn để duy trì hoạt động của Công ty, cân đối vốn hợp lý cho chi phí sản xuất điện và trả các khoản nợ, thanh toán kịp thời.
- Tiếp tục thực hiện kiện toàn mô hình tổ chức, định biên và bố trí sắp xếp lao động đã duyệt.
- Tiếp tục thực hiện các đề án ứng dụng khoa học công nghệ lần thứ 4 vào sản xuất theo Kết luận 389/EVGENCO2-TH ngày 12/2/2020, chủ tịch HĐTV, Trưởng Ban Chỉ đạo Ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ 4 vào hoạt động SXKD của Genco 2.
- Tăng cường thực hiện công tác đấu thầu qua mạng để đảm bảo chỉ tiêu được giao.
- Thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát nội bộ năm 2020.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy tinh thần đoàn kết trong Công ty, quan tâm đến người lao động; xây dựng văn hóa Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Phấn đấu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát triển điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty có cổ phiếu được chào bán

Không có

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu chuyển nhượng

Không có

IV. THÔNG TIN VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Tên cổ phần chào bán:	Cổ phần Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
Tổng số lượng cổ phần chào bán:	45.000.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 9,00% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ)
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Phương thức chuyển nhượng vốn:	Chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần
Tổ chức chào bán cạnh tranh:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
Giá khởi điểm chào bán cạnh tranh:	26.000 đồng/cổ phần
Giá đặt mua hợp lệ:	Quy định tại Quy chế chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần
Thời gian và địa điểm đăng ký chào bán cạnh tranh và nộp tiền đặt cọc:	Quy định tại Quy chế chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần
Thời gian và địa điểm nộp Phiếu tham dự chào bán cạnh tranh:	Quy định tại Quy chế chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần
Thời gian tổ chức chào bán cạnh tranh:	Quy định tại Quy chế chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần
Địa điểm tổ chức chào bán cạnh tranh:	Tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội Số 2 Phan Chu Trinh, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần trúng chào bán cạnh tranh và hoàn trả tiền đặt cọc	Quy định tại Quy chế chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần
Thời gian chuyển quyền sở hữu:	Quy định tại Quy chế chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần
Chuyển quyền sở hữu	Chuyển nhượng qua hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phù hợp với các quy định pháp luật liên quan và Quy chế bán chào bán cạnh tranh cả lô cổ phần.

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	- Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/017/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Điều lệ của Công ty không giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. - Theo Danh sách chốt số lượng cổ đông tham gia ĐHCĐ bất thường tổ chức vào ngày 09/04/2020, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại HND là 0,003%. - Theo thông tin về số lượng cổ phần HND nhà đầu tư nước ngoài còn được mua công bố trên HNX vào ngày 15/5/2020, nhà đầu tư nước ngoài còn được mua 244.820.000 cổ phần (tương ứng với 48,964% Vốn điều lệ tại Công ty). - Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị định 60/2015/NĐ-CP: *"Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%".* - Tại Công văn số 1883/NĐHP-HCLĐ ngày 03/4/2020 của Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Phụ lục số 16 Thông tư 123/2015/TT-BTC, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49% Vốn điều lệ.
Các loại thuế có liên quan:	Nhà đầu tư tham gia chào bán cạnh tranh và SCIC có trách nhiệm kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, phí liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định pháp luật.
Địa điểm công bố thông tin:	**Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)** Địa chỉ: Tầng 23, toà nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội Điện thoại: 024 3824 0703 Fax: 024 6278 0136 **Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng** Địa chỉ: Thôn Đoan, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3775 161

Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank (AGRISECO)

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 6276 2666

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3941 2626

V. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Mục đích của việc chuyển nhượng vốn nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nướctại các doanh nghiệp không cần giữ cổ phần. Việc chuyển nhượng vốn chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

VI. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Tổ chức là chủ sở hữu cổ phiếu được chào bán

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước(SCIC)

Trụ sở chính : Tầng 23, tòa nhà Charmit, số 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 3824 0703 – Fax: 024 6728 0136

Website: http://www.scic.vn

2. Tổ chức phát hành

Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND)

Địa chỉ: Thôn Đoan, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3775 161

Website: http://www.ndhp.com.vn

3. Tổ chức thẩm định giá

Công ty cổ phần Thẩm Định Giá IVC

Địa chỉ: Phòng 2, tầng 14, số 4A đường Láng Hạ, P. Thành Công, Q.Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 6273 5566 Fax: 024 6273 5599

Website: http://ivc.com.vn/

4. **Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính**

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 3821 9266 Fax: (84-28) 3821 9267

Website: https://home.kpmg.com

5. **Tổ chức tư vấn chuyển nhượng vốn**

Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank

Trụ sở chính : Tầng 5, Tòa nhà Artex, 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 6276 2666 Fax: 024 6276 5666

Website: www.agriseco.com.vn

6. **Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh**

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Trụ sở chính : Số 2 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024 3941 2626 Fax: 024 3934 7818

Website: www.hnx.vn

VII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CHÀO BÁN VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chuyển nhượng vốn này không phải là đợt phát hành/chuyển nhượng cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn nên Bản Công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản Công bố thông tin này không đảm bảo rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý bảo đảm giá trị cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia chào bán cạnh tranh công khai cần phải tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo tài chính, tình hình doanh nghiệp, quy định về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài, các thông tin trung thực tại các nguồn tham khảo chính thức (như Website Công ty, HNX...) ... cũng như đảm bảo rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ,

giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức phát hành, Tổ chức sở hữu cổ phiếu được chào bán, Tổ chức tư vấn, và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm trong trường hợp Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN CHÍ THÀNH

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THƯỜNG QUANG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐINH NGỌC PHƯƠNG